

## **ĐẶC TRƯNG PHẬT GIÁO XỨ ĐOÀI THỜI LÝ (TRƯỜNG HỢP CHÙA THẦY)**

NGUYỄN VĂN QUÝ<sup>(\*)</sup>

### **1. Đặt vấn đề**

Trở lại với vấn đề lịch sử thế kỉ X sau Công nguyên. Ở Việt Nam, chỉ trong vòng trên 100 năm (905 - 1009) đã có đến năm dòng họ/vương triều<sup>(1)</sup> thay nhau kế nối cho thấy sự bất ổn về chính trị thời bấy giờ. Nguyên nhân chính của những biến động về lịch sử chính trị này, một phần do sự xâm lược của ngoại bang<sup>(2)</sup>, nhưng phần lớn do sự cạnh tranh quyền lực giữa các dòng họ, mà đỉnh cao chính là “loạn 12 sứ quân” cát cứ, bành trướng thế lực, gây cảnh loạn lạc, nhân dân khốn khổ. Do vậy, vấn đề độc lập dân tộc và thống nhất quốc gia trở lên cấp thiết hơn bao giờ hết. Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân, lập ra nhà Đinh, rồi nhà Tiền Lê đều đóng đô ở Hoa Lư, một địa điểm nặng về phòng thủ hơn là định hướng phát triển kinh tế văn hóa cho đất nước Đại (Cổ) Việt. Việc chọn lựa dùng sức mạnh quân sự và thực thi hệ thống pháp luật nghiêm khắc như một giải pháp tình thế của nhà Đinh và nhà Tiền Lê nhằm ổn định vương triều cũng đồng nghĩa với thời kì nhà Đinh và nhà Tiền Lê, xu hướng tập quyền chưa ổn định, vẫn lúng túng trong việc đối nội, đối ngoại, mặc dù có sự phò giúp của các bậc

cao tăng Phật giáo như Thiên sư Ngô Chân Lưu thuộc Thiên phái Vô Ngôn Thông, Thiên sư Pháp Thuận, Vạn Hạnh thuộc Thiên phái Tì Ni Đa Lưu Chi,...

Lẽ tất yếu cho sự lúng túng đó dẫn đến sự đổ vỡ về mặt chính trị. Điều này được đánh dấu bằng sự kiện Lý Công Uẩn lên ngôi vào năm 1009<sup>(3)</sup> và dời đô về Đại La, lập ra vương triều Lý với sự trợ giúp không nhỏ của Thiên sư Vạn Hạnh. Vị thế, vai trò của Phật giáo trong thời Lý vô cùng quan trọng, định hướng cho sự phát triển mọi mặt của nước ta. Trong đó, với vai trò là một tôn giáo chủ lưu thì việc định hướng giá trị tinh thần, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc được Phật giáo kế thừa từ trước đó phát huy triệt để trong triều Lý. Điều này cho thấy, đến

\*. NCV. Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Họ Khúc trải ba đời, nắm quyền 17 năm, từ 906 - 923; Họ Dương 7 năm, từ 931 - 938; Triều Ngô (Tiền Ngô Vương (939 - 944); Hậu Ngô Vương (950 - 965); Nhà Đinh (968 - 979) và nhà Tiền Lê (980 - 1009). Dẫn theo Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng. *Các triều đại Việt Nam*, Nxb. Thanh Niên, HN, 2001, tr. 58 - 80.

2. Ngô Quyền là một bộ tướng của Dương Đình Nghệ đã đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng.

3. Về sự kiện này, nhóm tác giả Hà Văn Thư, Trần Hồng Đức cho là năm Canh Tuất (1010). Xem: *Tóm tắt niên biểu lịch sử Việt Nam* (tái bản lần thứ 12 có sửa chữa và bổ sung), Nxb. Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội, 2007.

thời điểm này, Phật giáo Việt Nam đã khẳng định đường hướng phát triển của mình với dân tộc và có những đóng góp vô cùng quan trọng cho dân tộc Việt Nam.

Nhà Lý với 9 đời vua trải trên hai trăm năm (1009 - 1225)<sup>(4)</sup>, duy trì chính sách “ngụ binh ư nông”, khoan thư sức dân, dùng đức trị giáo hóa dân theo tinh thần Phật giáo và cũng vì thế, thời Lý có nhiều vị vua nhân từ, khoan dung rất mực.

## 2. Đặc trưng cơ bản của Phật giáo Xứ Đoài triều Lý

### 2.1. Thiên sư Từ Đạo Hạnh - Người đặt nền móng cho Phật giáo Xứ Đoài

Thân thế và hành trạng của Thiên sư Từ Đạo Hạnh đã được nhiều thư tịch chép. Có lẽ sớm nhất là *Thiên Uyển tập anh*, sau đến *Đại Việt sử lược*<sup>(5)</sup>, rồi đến *Linh Nam chích quái*<sup>(6)</sup> ra đời vào cuối thời Trần chép. Dầu mỗi thư tịch chép có nhiều tình tiết khác nhau, nhưng thân thế và hành trạng của Ngài đã khá rõ ràng: Ngài họ Từ tên Lộ, tự là Đạo Hạnh, ở chùa Thiên Phúc, núi Phật Tích. Cha tên là Vinh, giữ chức Tăng quan đô sát triều Lý, thường qua chơi làng An Lãng, lấy con gái người họ Lỗ tên là Loan, nhân thế ở lại đó. Thuở niên thiếu, ngài hào hiệp, phóng khoáng, có chí lớn, hành động và ngôn ngữ ít ai có thể lường được. Ngày thì thổi sáo đánh cầu, vui chơi, đêm thì mài miết đọc sách. Sau, Ngài dự kì thi tăng hương thí, đỗ khoa Bạch Liên.

Bấy giờ, cha Ngài làm phật ý Diên Thành Hầu, Diên Thành sai sư Đại Diên dùng phép đánh chết, ném xác xuống sông Tô Lịch. Ngài nghĩ việc báo thù cho cha nên muốn sang Ấn Độ tu học phép lạ.

Nhưng đi đến đất Kim Sỉ thấy hiểm trở bèn quay về, ẩn cư ở núi Phật Tích, thường ngày đọc kinh Đại bi đà la ni, đọc trọn mười vạn tám nghìn lần. Một hôm, thấy có thần nhân đến trước mặt mà nói rằng: “Kẻ đệ tử tức là Trần Thiên Vương, cảm phục thầy có công trì kinh nên lại đây để thầy sai khiến”. Ngài biết là đạo pháp đã thành, thù cha có thể rửa, bèn đến tìm sư Đại Diên đánh. Sư Đại Diên phát bệnh mà chết. Từ đó, tục lự nguội dân, Ngài du ngoạn tìm thầy ẩn chứng. Ngài đến tìm sư Kiều Trí Huyền bái yết và hỏi về chân tâm. Sư Kiều Trí Huyền đáp: “Ngũ âm bí quyết biểu hiện rõ chân kim. Trong đó, dây thàng sẽ lộ rõ lòng thiên. Bát ngát như cát ven sông đó mới thực là đạo Bồ đề, hướng tới Bồ đề ngàn sự tìm tòi đều xa cách<sup>(7)</sup>. Ngài hoang mang chưa hiểu hết, bèn tới chùa Pháp Vân yết kiến Thiên sư Sùng Phạm hỏi rằng: Như thế nào là chân tâm? Sư Sùng Phạm nói: Thế cái gì không phải là chân tâm. Ngài hoát nhiên tỉnh ngộ, hỏi rằng: Lấy gì làm bảo chứng? Sư Sùng Phạm nói: Đói thì ăn, khát thì uống. Ngài bái tạ.

Từ đó phép lực ngày càng mạnh, duyên thiên càng kết. Các giống rắn núi, thú đồng đến quán quýt quanh mình. Ngài đốt ngón tay cầu đảo, chú phép vào nước trị bệnh, không lúc nào không nghiệm.

4. Xin xem thêm: Hà Văn Thư, Trần Hồng Đức. *Tóm tắt niên biểu lịch sử Việt Nam*. Sđd.

5. Còn có tên gọi *Việt Sử lược*, gồm ba quyển và một phụ bản chép từ thời thượng cổ đến các niên hiệu nhà Trần.

6. *Linh Nam chích quái*, một cuốn sách chọn lựa những chuyện quái dị ở đất Linh Nam. Đây là một tập hợp các truyền thuyết và cổ tích dân gian Việt Nam được biên soạn vào khoảng cuối đời nhà Trần. Có sách chép là *Linh Nam Trích quái*.

7. Dịch ý.

Khi ấy, vua Lý Nhân Tông không có con, tháng 3 năm Hội Tường Đại khánh thứ 3, có đứa trẻ lên ba, tự xưng là hoàng đế, lấy hiệu Giác Hoàng<sup>(8)</sup>. Vua sai quan trung sứ đón về kinh sư, muốn lập làm kế tự. Ngài biết là yêu tà nên đã ngầm phá. Nhà vua biết chuyện nên bắt Ngài để xét xử. Sau rồi Sùng Hiền Hầu đã cứu và Ngài hứa sau này xin ngụ thai trong cung để báo đáp công đức. Khi phu nhân Sùng Hiền Hầu có thai, Ngài dặn Sùng Hiền Hầu khi phu nhân lâm bồn phải báo cho biết trước. Đến kì sinh nở, Ngài được báo tin, bèn tắm rửa thay quần áo và bảo đệ tử Nghiệp duyên của ta chưa hết, còn phải thác sinh để tạm giữ ngôi vua. Ngày sau thọ chung sẽ được làm thiên tử ở cõi trời thứ ba mươi ba. Nếu thấy chân thân của ta hư nát thì lúc ấy ta mới thật nhập Niết Bàn, không còn phải trụ trong vòng sinh diệt nữa. Các đệ tử nghe nói không cầm được nước mắt. Ngài bèn đọc bài kệ rồi viên tịch.

Trải thời gian, về hành trạng của Ngài lại được Lý Tế Xuyên chép trong *Việt Điện U Linh* vào những năm đầu thế kỉ XIV, nhưng đã xuất hiện khá nhiều những tình tiết mới, chẳng hạn, tình tiết được cụ già dạy cho phép rút đất và chú Đà la ni, hay việc Hoàng hậu Trường Lạc cầu tự tại chùa Thiên Phúc mà sinh ra vua Lê Hiến Tông<sup>(9)</sup>, v.v... Những tình tiết mới này đã “trở thành cội rễ bám chắc trong trí người đọc, củng cố cái chân lí của lí trí, biểu hiện qua bằng cơ sách vở mới”<sup>(10)</sup>. Nhưng phải đến *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Kiến Văn tiểu lục*, *Đại Nam nhất thống chí*, Ngài mới được chính quyền trung ương tôn vinh là một vị thánh. Thân thế và hành trạng của Ngài đã bị các tác gia lược những màu sắc

huyền bí và gắn với lịch sử dân tộc. Tuy vậy, việc tụng kinh niệm kệ, việc trị bệnh cứu người, việc truyền nghề múa rối, v.v... vẫn in dấu đậm nét trong tâm thức dân gian.

## 2.2. Xứ Đoài

Xứ Đoài là một tên gọi khác của trấn Sơn Tây. Dưới triều vua Minh Mạng, vào năm 1831 thành lập tỉnh Sơn Tây<sup>(11)</sup>, một trong 13 tỉnh được thành lập sớm nhất ở Bắc Kỳ. Tỉnh Sơn Tây bao gồm phần lớn địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, Hà Tây (cũ), phía bắc tỉnh Phú Thọ và một phần tỉnh Tuyên Quang. Tỉnh Sơn Tây quen gọi là Xứ Đoài hay trấn Tây, trấn Đoài<sup>(12)</sup>, là một trong tứ trấn Thăng Long.

Theo Lê Văn Hảo<sup>(13)</sup>, Xứ Đoài có Phú Thọ, Vĩnh Phúc ở phía bắc, Hà Tây ở phía nam, tiếp giáp Thăng Long - Hà Nội. Ông chia Xứ Đoài thành hai tiểu vùng. *Tiểu vùng văn hóa đất tổ Phú Thọ - Vĩnh Phúc*, nơi gặp gỡ của ba con sông: Sông Hồng, Sông Lô và Sông Đà; *tiểu vùng văn hóa Hà Tây* của Xứ Đoài, nơi có hai ngọn núi Tam Đảo và Ba Vì cao 1.280 mét, quê hương của Sơn Tinh mà dân địa phương cung kính gọi là Thánh Tản, hay Tản Viên Sơn Thánh.

8. Tương truyền là hậu thân của sư Đại Điền.
9. Lý Tế Xuyên. *Việt Điện U Linh* (Trịnh Đình Rư dịch theo bản A.751 của Thư viện Khoa học), Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1960.
10. Tạp chí *Xưa và nay*, số 241/2005, tr. 25.
11. Tỉnh Sơn Tây khi thành lập có 5 phủ: Phủ Quốc Oai, phủ Quảng Oai, phủ Tam Đảo, phủ Đoan Hùng và phủ Lâm Thao. Địa giới hành chính này đã thay đổi theo từng thời kì lịch sử.
12. Đoài: Có nghĩa chỉ phía tây.
13. *Nẻo về văn hóa văn minh Việt Nam*, “Bốn xứ Đông - Đoài - Nam - Bắc của đại vùng văn hóa đồng bằng Bắc bộ”. Nguồn: <http://chimviet.free.fr/dantochoc/neovevh/lvhs066.htm>

Theo Phạm Đức Dương, sự hình thành nhà nước Nam Việt của Triệu Đà đã mở đầu cho sự tiếp xúc giữa hai mô hình văn hóa Hán - Việt. Rất có lí khi ông lấy Sông Hồng làm điểm quy chiếu. “Bờ tả ngạn, nhất là vùng Kinh Bắc được xem là bàn xoay theo hướng Đông Bắc Á, bờ hữu ngạn - vùng Xứ Đoài được xem là nơi bảo lưu nhiều yếu tố văn hóa lúa nước Đông Nam Á. Còn Thăng Long - thủ đô của Đại Việt thời Lý trở thành nơi hội tụ của đôi bờ, của cả nước, biểu tượng đậm văn hóa Hán, cơ tầng là tâm thức của cư dân lúa nước vùng đồng bằng”<sup>(14)</sup>.

Trong thời kì Bắc thuộc, xứ Kinh Bắc được giới cai trị nhà Hán biến thành trung tâm văn hóa, nên ảnh hưởng của văn hóa Hán rất đậm. Tuy nhiên, nơi đây cũng hình thành một trung tâm của đạo Phật, như đối trọng với văn hóa Hán. Nhất là việc các bậc cao tăng sang Ấn Độ học đạo và các nhà sư Ấn Độ sang Giao Châu truyền pháp đã tạo nên một bản sắc riêng cho Phật giáo Việt Nam. Đó chính là Thiên phái Tì Ni Đa Lưu Chi (Vinitaruci), “Thiên kết hợp với Mật tông được dân gian hóa có tính nhập thế cao”<sup>(15)</sup>. Và bên này hữu ngạn là Xứ Đoài lại trở thành trung tâm văn hóa của người Việt.

Như vậy, Xứ Đoài về mặt địa lí là cả một vùng không gian rộng lớn, từ ngã ba Bạch Hạc, nơi hội tụ của Sông Hồng, Sông Lô, và Sông Đà (nay là thành phố Việt Trì, Phú Thọ) đến tận cùng phía nam Xứ Đoài là ngã ba Sa, cũng là nơi hội tụ của ba con sông: Sông Nhuệ, sông Kim Ngưu và Sông Sa tại Cống Thần (nay thuộc huyện Ứng Hòa, Hà Nội). Về mặt tôn giáo, tín ngưỡng

thì việc thờ Phật, thờ Thánh và các tín ngưỡng dân gian khác được bảo lưu khá trọn vẹn trong đời sống tâm linh của người Xứ Đoài. Tuy nhiên, “giữa việc thờ Phật và thờ Thánh thì thờ Thánh được bảo lưu nhiều hơn”<sup>(16)</sup>. Theo chúng tôi, đây là một nét đặc trưng riêng của Xứ Đoài. Một đặc trưng nữa, đó là Chùa Thầy được nhiều học giả xem như là khởi nguồn của loại hình kiến trúc tiền Phật hậu Thánh.

Trở lại vấn đề Phật giáo sử Việt Nam, cho đến ngày nay, việc tìm hiểu thời gian đạo Phật truyền bá vào nước ta, các học giả khi viết về sử Phật giáo Việt Nam thường căn cứ vào *Đại Việt sử ký toàn thư*<sup>(17)</sup>, *Linh Nam chí chích quái*<sup>(18)</sup>, *Thiên Uyển tập anh*<sup>(19)</sup>, *Lý Hoặc Luận*<sup>(20)</sup> và *Lục Độ tập kinh*<sup>(21)</sup> và gần như thống nhất rằng đạo Phật truyền nhập vào nước ta những năm đầu Công nguyên. Và thế kỉ X vẫn được xem là giai đoạn truyền giáo ở nước ta, mặc dù đã có những bậc cao tăng như Huệ Thắng, Đạo Thiên<sup>(22)</sup> ở thế kỉ V từng được mời sang Trung Quốc thuyết pháp và có đóng góp vào quá trình phát triển Phật giáo tại Trung Quốc. Hay vào thế kỉ VI, Thiên sư Tì Ni Đa Lưu Chi (Vinitaruci) từ Ấn Độ đến Việt Nam tu hành tại chùa Pháp Vân

14. *Văn nghệ dân gian Hà Tây tuyển chọn*, Hội Văn học - Nghệ thuật Hà Tây 2005, tr. 33.

15. *Văn nghệ dân gian Hà Tây tuyển chọn*, Sđd, tr. 36.

16. *Văn nghệ dân gian Hà Tây tuyển chọn*, Sđd, tr. 38.

17. Kỷ Sĩ Vương.

18. Truyện Man Nương.

19. Truyện Quốc sư Thông Biện.

20. Cửa Mâu Tử, cuối thế kỉ II.

21. Cửa Khương Tăng Hội, thế kỉ II - III. Ngoài ra, vào thế kỉ VII còn một số chi tiết chép về thiên sư Việt Nam trong *Đại Đường Tây Vực cầu pháp cao tăng truyện* của Nghĩa Tịnh (635 - 713) như Văn Kỳ, Mộc Xoa Đề, Khuy Sung...

22. Xem thêm Thích Thanh Từ. *Thiên sư Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 10-11.

(Chùa Dâu) và hình thành một thiền phái, có sự truyền thừa 18 đời với 29 vị thiền sư nổi tiếng. Trong đó, Thiền sư Từ Đạo Hạnh thuộc phổ hệ đời thứ 12 cùng với Thiền sư Vạn Hạnh, Định Huệ, Minh Không và Trì Bát. Hơn 200 năm sau Thiền phái Tì Ni Đa Lưu Chi, Thiền sư Vô Ngôn Thông từ Trung Quốc truyền vào Việt Nam một dòng thiền mới mang tên Ngài, truyền thừa 15 đời với 40 vị đại sư. Và trong thời Lý lại xuất hiện “ngẫu nhiên” thiền phái Thảo Đường, truyền thừa 5 đời với gần 20 vị thiền sư. Như vậy, đến thời Lý thì Phật giáo được xem là “triều đại Phật giáo đầu tiên ở Việt Nam”<sup>(23)</sup>. Các vị vua triều Lý đã ra chiếu khuyến khích việc xuất gia tu hành, hưng công xây dựng và tu bổ nhiều ngôi chùa và *Đại tạng kinh* được thỉnh từ Trung Quốc nhằm quảng bá giáo lý Phật giáo. Bản thân các vị vua triều Lý cùng hoàng tộc đều là những Phật tử thuần thành như vua Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông, Nguyên phi Ý Lan,... đều một lòng sùng bái Phật giáo.

Tuy nhiên, khi đạo Phật truyền bá vào nước ta, ngay từ đầu đã có sự dung hợp các tín ngưỡng bản địa<sup>(24)</sup>. Phật giáo vừa được cư dân bản địa tiếp thu vừa được dân gian hóa, cho nên, vừa có sự thờ Phật lại vừa có sự thờ Phật Mẫu Man Nương và hệ thống Tứ pháp<sup>(25)</sup>... Và hẳn nhiên, Phật giáo sử Việt Nam ghi nhận thời kì này, những trung tâm Phật giáo trước và trong thời Lý lại thuộc vùng Kinh Bắc, tức bờ bắc Sông Hồng, Sông Đuống với hàng loạt ngôi chùa nổi tiếng như Chùa Dâu, Chùa Sủi, chùa Bút Tháp, chùa Cổ Pháp, chùa Tiêu Sơn... Điều này cũng dễ hiểu vì trong

thời Bắc thuộc, li sở Giao Châu đóng ở vùng Luy Lâu. Đối với bờ nam Sông Hồng, tức Xứ Đoài, vùng đất phen dậu của Thăng Long phải từ thời Lý mới dần hình thành những trung tâm Phật giáo mới, gắn liền với những ngôi chùa nổi tiếng như Chùa Đậu, chùa Bối Khê, chùa Trăm Gian, chùa Tây Phương và trong đó, Chùa Thầy chiếm một vị trí quan trọng, làm nên nét đặc trưng riêng của Phật giáo Xứ Đoài.

Nét đặc trưng riêng, như chúng tôi đã nói ở trên, nằm ngay trong Thiền phái Tì Ni Đa Lưu Chi (Vinitaruci) và trong hành trạng cũng như quá trình tu tập của ngài Đạo Hạnh thuộc phổ hệ thứ 12 của thiền phái này. Phật giáo sử ghi nhận, bản thân Thiền sư Tì Ni Đa Lưu Chi là một nhà sư Ấn Độ vân du đến Trung Quốc vào năm 574, niên hiệu Thái Kiến thứ 6 nhà Trần (Trung Quốc). Ngài gặp Thiền sư Tăng Xán<sup>(26)</sup> và được ngài Tăng Xán khuyên xuống Phương Nam. Trên đường xuống Phương Nam, tại Quảng Châu, Thiền sư Tì Ni Đa Lưu Chi

23. Nguyễn Thanh Xuân. *Một số tôn giáo ở Việt Nam* (tái bản có bổ sung), Nxb. Tôn giáo, tr. 84.

24. Theo PGS. Nguyễn Duy Hinh thì ở truyện Man Nương đã có sự dung hợp của bốn loại hình tôn giáo khác nhau. Thứ nhất là phép tu đứng một chân của tín đồ Kỳ Na giáo; thứ hai là sự kết hợp giữa tôn giáo Siva (dạng Linga) với tục thờ đá trong thần điện cây đa - hòn đá cổ truyền của người Việt; thứ ba là tín ngưỡng Tinh Lực phái trong Siva giáo thuộc Ấn Độ giáo (Tân Bàlamôn giáo) và thứ tư là Danh A Xà Lê (Acarya) chỉ một trong tam sư hướng dẫn tín đồ mới nhập đạo của Phật giáo.

25. Đó là: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện.

26. Tăng Xán (?-606), là Tổ thứ ba của Thiền tông, nối pháp Nhị tổ là Huệ Khả và là thầy của Tứ tổ Đạo Tín. Sau khi được Ấn khả, gặp thời Pháp nạn do nhà Hậu Chu cấm đạo Phật nên Ngài sống ẩn dật không ai biết.

dịch hai bộ kinh<sup>(27)</sup>. Năm 570 (580), Thiên sư Tì Ni Đa Lưu Chi đến chùa Pháp Vân, Việt Nam dịch *Đại thừa phương quảng tổng trì kinh* và truyền pháp cho Pháp Hiền (? - 626). Như vậy, các kinh mà Thiên sư Tì Ni Đa Lưu Chi dịch và những lời truyền pháp cho sư Pháp Hiền đều thuộc dòng Bát Nhã kinh<sup>(28)</sup>, trình bày tư tưởng Không của Đại thừa chứ không phải tư tưởng Tâm của Thiên tông Trung Hoa<sup>(29)</sup>. Do đó, những kinh mà Thiên phái Tì Ni Đa Lưu Chi làm nền tảng tu tập thiền quán đã có khuynh hướng về Mật giáo. Điều này thể hiện rõ ở Thiên sư Vạn Hạnh (? - 1018) chuyên tu tập pháp Tổng trì tam ma địa. Thiên sư Trì Bát (? - 1117), trong bài kệ thị tịch có câu “án tô rô tô rô tất rị”<sup>(30)</sup>. Và Thiên sư Từ Đạo Hạnh, trong hành trạng của Ngài, yếu tố Mật tông thể hiện rõ ràng nhất, đó là Ngài trì tụng Đại bi đà la ni, sử dụng những phép lạ. Tuy vậy, ngay từ khi du nhập, Thiên tông và Mật tông đã có sự kết hợp trong quá trình tu tập, và Mật tông Việt Nam không thành một tông phái riêng như ở Nhật Bản hay Trung Quốc mà nhanh chóng hòa vào tín ngưỡng dân gian với pháp thuật, chữa bệnh, v.v... Hẳn nhiên, yếu tố Mật tông đã trở nên đậm nét ở vùng Xứ Đoài, điển hình là Chùa Thầy từ thời Lý. Hình ảnh Thiên sư Từ Đạo Hạnh tham học pháp thuật, trị chú Đại bi, chữa bệnh cứu người, dạy dân các trò rối nước, đá cầu, đánh vật, v.v... rồi thác sinh thành Lý Thần Tông và rồi thành Thánh trải qua thời gian, thân thể và hành trạng của Thiên sư Từ Đạo Hạnh đã tạo một vùng phổ quang trong không gian rộng lớn, mang đậm dấu ấn Mật tông của vùng Chùa Thầy, khiến cho đạo Phật phát triển không chỉ ở riêng Xứ

Đoài mà còn ở các xứ khác như Chùa Láng và hệ thống di tích có liên quan đến Ngài dọc theo bờ sông Tô Lịch, rồi chùa Tây Lạc (Viên Quang Như tự) ở Nam Trực, Nam Định; chùa Lương Hàn (Bảo Quang tự) ở Trực Ninh, Nam Định; Chùa Ông ở Văn Lâm, Hưng Yên, v.v...

Kết cấu kiến trúc tiền Phật hậu Thánh còn tồn tại đến nay không nhiều, khoảng 15 chùa trên tổng số chùa của cả nước. Kiểu chùa tiền Phật hậu Thánh thường được các học giả chia làm hai loại<sup>(31)</sup> và thường có sự gắn bó chặt chẽ, mật thiết với Mật giáo trong thời Lý - Trần. Trên tổng số 15 ngôi chùa kiểu này ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, chủ yếu nhất vẫn là ở Xứ Đoài. Hầu hết các ngôi chùa đều gắn tên tuổi với các vị thiên sư tu hành Mật giáo hay chí ít là chịu ảnh hưởng của Mật giáo với bùa chú, sám vī và các ngài còn là những vị tổ nghề dân gian nữa. Và nhân dân phụng thờ các vị thiên sư như “những nhân thần, có nghĩa là những con người được coi là có thực, nhưng về sau nhờ học tập, tu luyện, đã có tài thần thông biến hóa, nghĩa là có những khả năng của một vị thần”<sup>(32)</sup>. Và Chùa Thầy là một trường hợp điển hình cho loại hình này.

27. Đó là: *Tượng đầu tình xá* và *Báo nghiệp sai biệt kinh*.

28. Bát Nhã có nghĩa là Trí huệ (tuệ), Huệ, Nhận thức. Một khái niệm trung tâm của Phật giáo Đại thừa, chỉ một thứ trí huệ không phải do suy luận hay kiến thức mà có, mà là một thứ trí huệ chớp nhoáng lúc trực nhận tính Không, là thể tính của vạn sự. Đạt được Bát Nhã đồng nghĩa với Giác ngộ. Dẫn theo: *Từ điển Phật học*, Nxb. Tôn giáo, tr. 59.

29. Dẫn theo: Nguyễn Duy Hinh. *Lịch sử đạo Phật Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo & Từ điển bách khoa, tr. 54.

30. Xin xem thêm: *Thiền Uyển tập anh*.

31. Loại có công trình riêng biệt thờ Thánh và loại kiến trúc thờ Thánh cùng với Phật.

32. Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, và Phạm Ngọc Long. *Chùa Việt Nam*, Nxb. Thế giới, tr. 25.

### 3. Lời tạm kết

Chùa Thầy gắn bó chặt chẽ với hành trang Thiên sư Từ Đạo Hạnh. Và nơi đây mang đậm dấu ấn Mật tông, do vậy, trong kết cấu kiến trúc thì yếu tố phong thủy, nghệ thuật bài trí tượng thờ, v.v... được lưu tâm hàng đầu. Xem xét bình đồ kiến trúc của Chùa Thầy cho thấy rõ điều này. Chùa quay hướng nam chệch tây. Phía trước chùa là hồ rộng, phía sau dựa vào Núi Sài (gối sơn đập thủy). Tương truyền, núi Sài Sơn là con rồng lở đàn, ngôi chùa dựng trên trán rồng, sân là lưỡi rồng, và hồ nước có tên Long Trì (Ao Rồng), tòa Thủy đình<sup>(33)</sup> giữa hồ được xem là hòn ngọc và hai cầu Nhật Tiên Kiều và Nguyệt Tiên Kiều là nanh rồng, hai giếng là mắt rồng và những ngọn núi xung quanh như quy, phượng châu. Hẳn nhiên, cổ nhân đã chọn được vị trí đắc địa để dựng Chùa Thầy. Do vậy, việc nghiên cứu để tìm hiểu những đặc trưng

của Phật giáo Xứ Đoài thì chùa Thầy chính là trường hợp điển hình trong lịch sử hình thành và phát triển Phật giáo Xứ Đoài. Dĩ nhiên, Phật giáo Xứ Đoài không chỉ mang đặc trưng về những yếu tố Mật tông hay mô hình tiền Phật hậu Thánh, mà còn bao hàm trong đó rất nhiều những giá trị khác như tín ngưỡng Tịnh Độ tông, sự hiện diện của dòng Lâm Tế và gần đây nhất là dòng truyền thừa Drukpa do Thượng tọa Thích Viên Thành truyền bá. Tuy vậy, theo chúng tôi, Phật giáo Xứ Đoài trong thời Lý, hai đặc trưng cơ bản chính là yếu tố Mật tông và mô hình tiền Phật hậu Thánh đã nêu ở trên./.

33. Tòa Thủy đình còn được xem là Tam quan của Chùa Thầy. Xem: Nguyễn Văn Tiến. *Chùa Thầy (Thiên Phúc tự)*, Nxb. Khoa học xã hội, tr. 65.